TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1390/2024/QĐST-HNGĐ	*Gò Vấp, ngày 21 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 1151/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2024 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Phạm Thị H, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 146/5 Trương Đăng Q, phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1980;

Địa chỉ: 146/5 Trương Đăng Q, phường X, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa Bà Phạm Thị H và Ông Nguyễn Văn T là hôn nhân tự nguyện

và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 275, quyển số: 01/2007, ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân phường X, quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 28/8/2024 và Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11/10/2024, bà H và ông T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn;

Về con chung: Có một con chung: Nguyễn Chí D, sinh ngày: 13/02/2008 ông T trực tiếp nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết trong vụ việc này.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà H và ông T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và cấp dưỡng cho con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị H và Ông Nguyễn Văn T thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số: 275, quyển số: 01/2007, ngày 23/11/2007 của Ủy ban nhân dân phường X, quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

- Về con chung: Có một con chung: Nguyễn Chí D, sinh ngày: 13/02/2008 ông T trực tiếp nuôi, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà H do ông T không yêu cầu.

bà H được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được

cản trở.

Vì lợi ích con, khi cần thiết các đương sự có quyền yêu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn đồng) do bà H, ông T chịu, cấn trừ số tiền tạm nộp theo biên lai thu tiền số: 0014504 ngày 27/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận G. Đương sự đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND Q.G;
- UBND nơi cấp giấy kết hôn;
- Chi cục THADS Q. G
- Lưu:

THẨM PHÁN

Lê Thành Phong